

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 05-7-2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Thơm – Bà Lương Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L:** Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Đan C**, sinh năm: 1985. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

- **Bị đơn:** Ông **Bùi T**, sinh năm: 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đan C trình bày: Bà và ông T đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường B. Trong quá trình chung sống bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T cờ bạc, phá tán tài sản gia đình. Bà đã cho ông nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2022, bà và ông T không còn sống chung. Tháng 12/2023, bà có nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, tuy nhiên, sau đó bà đã rút đơn khởi kiện với mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ tháng 12/2023 đến nay vợ chồng không gặp nhau và ông T cũng không đến thăm con. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông T nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 01/7/2023. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi T trình bày: Quá trình giải quyết, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, địa phương cung cấp, ông Bùi

T vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng không hợp tác, Tòa án không thể tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng trực tiếp cho ông T được. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thời gian làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian vụ án được đưa ra xét xử) cho bị đơn theo quy định, nhưng bị đơn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, bà Nguyễn Thị Đan C được ly hôn với ông Bùi T; Giao con chung Bùi Gia B cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Đan C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi T, và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi T có nơi cư trú tại khu phố 7, phường B, thị xã L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Bùi T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà C và ông T đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà C trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng và đánh đập bà. Tại phiên tòa, bà C khẳng định không còn tình cảm với ông T nữa và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện, địa phương không nhận được đơn trình báo đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và Bà C, tuy

nhiên, thực tế thì ông T có cờ bạc, không lo làm ăn. Bà C đã dẫn theo con bỏ đi, không còn sinh sống với ông T nữa.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T để tiến hành hòa giải, nhưng ông T vắng mặt. Những căn cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà C và ông T thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho Bà C được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T và Bà C có một con chung là cháu Bùi Gia Bảo, sinh ngày 1/7/2013. Bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại biên bản xác minh địa phương thể hiện Bà C có nghề nghiệp kinh doanh, buôn bán, Bà C có nơi cư trú, thu nhập ổn định, ông T không có nghề nghiệp. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt nên không trình bày ý kiến về vấn đề con chung. Tại bản tự khai, cháu Bùi Gia B trình bày nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ. Xét thấy, hiện nay, cháu B đang sống cùng bà C, và đang học tập tại trường Tiểu học thuộc phường P, do đó, cần giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng con chung để tránh làm xáo trộn cuộc sống và tâm sinh lý của cháu, đồng thời cũng đảm bảo sự ổn định về nơi sinh sống, học tập của con chung. Việc giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo được sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết, mặc dù đã được Tòa án giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng bà C tự nguyện không yêu cầu ông Bùi T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, xét thấy, bà C có nghề nghiệp ổn định, có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông Bùi T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đan C đối với ông Bùi T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đan C được ly hôn với ông Bùi T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đan C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Gia B, sinh ngày 01/7/2013. Ông Bùi T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Đan C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011330 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Yến Nhi

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71 ngày 11/3/2024, dự kiến xử ngày 11/6/2024.

Quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

1/ Đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Đan C**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

- *Bị đơn*: Ông **Bùi T**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

2/ Nội dung vụ án:

Bà và ông T đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường B. Trong quá trình chung sống bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T cờ bạc, phá tán tài sản gia đình. Bà đã cho ông nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2022, bà và ông T không còn sống chung. Tháng 12/2023, bà có nộ đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, tuy nhiên, sau đó bà đã rút đơn khởi kiện với mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ tháng 12/2023 đến nay vợ chồng không gặp nhau và ông T cũng không đến thăm con. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông T nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Bùi Gia Bảo, sinh ngày 01/7/2023. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi T trình bày: Quá trình giải quyết, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, địa phương cung cấp, ông Bùi T vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng không hợp tác, Tòa án không thể tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng trực tiếp cho ông T được. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thời gian làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian vụ án được đưa ra xét xử) cho bị đơn theo quy định, nhưng bị đơn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện, địa phương không nhận được đơn trình báo đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và Bà C, tuy nhiên, thực tế thì vợ chồng Bà C, ông T có mâu thuẫn do ông T cờ bạc, không lo làm ăn. Bà C đã dẫn theo con bỏ đi, không còn sinh sống với ông T nữa.

3/ Quan điểm: Căn cứ:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đan C đối với ông Bùi T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đan C được ly hôn với ông Bùi T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đan C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Gia Bảo, sinh ngày 01/7/2013.

Ông Bùi T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Đan C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011330 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Người đề xuất

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ...h 00 phút ngày 11/6/2024, tại trụ sở TAND thị xã L

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Thơm - bà Lương Thị Thanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST-DS ngày 26/02/2024 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trâm**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Ông **Võ Thanh Tâm**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU;**

1. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: Các thành viên thống nhất đây là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, bị đơn có địa chỉ tại thị xã L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã L.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Các vấn đề cần giải quyết:

+ Ý kiến ông Thơm: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện:

Về hôn nhân: Giữa ông Tâm và bà Trâm là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà Trâm kiên quyết ly hôn, ông Tâm đồng ý nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên chấp nhận cho bà Trâm được ly hôn ông Tâm

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, Võ Hồng Kim Ngân, sinh ngày 31/7/2019. Bà Trâm yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản ý kiến cũng như đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Tâm trình bày ông đồng ý giao con cho bà

Trâm trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Ngân đang sống cùng bà Trâm, quá trình sinh sống cùng mẹ, cháu Ngân được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Do đó, đề nghị giao cho bà Trâm trực tiếp nuôi dưỡng con chung để tránh làm xáo trộn cuộc sống và tâm sinh lý của cháu, đồng thời cũng đảm bảo sự ổn định về nơi sinh sống, học tập của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

Từ căn cứ trên, ông đề xuất chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Huyền Trâm được ly hôn ông Võ Thanh Tâm. Giao cho bà Nguyễn Thị Huyền Trâm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Hồng Kim Ngân, sinh ngày 31/7/2019. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Võ Thanh Tâm được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến bà Thanh, bà thống nhất với phân tích và đề xuất của ông Thom, chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, bà Trâm được ly hôn ông Tâm. Giao con chung cho bà Trâm nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với quan điểm của hai Hội thẩm nhân dân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền Trâm đối với ông Võ Thanh Tâm về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm được ly hôn với ông Võ Thanh Tâm.

Giao cho bà Nguyễn Thị Huyền Trâm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Hồng Kim Ngân, sinh ngày 31/7/2019. Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm không yêu cầu ông Võ Thanh Tâm cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Thanh Tâm được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc và lúc ... h... ngày 11/6/2024

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

7